

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/4/2021  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Tá

Bà Nguyễn Thị Minh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Ánh H, sinh ngày: 15/7/1990; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố V, phường CI, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Cố đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Quốc D, sinh ngày: 31/8/1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố LH, phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đào Thị Ánh H trình bày:* Bà và ông Lê Quốc D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 30/11/2018. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất quan điểm sống, ông D cờ bạc dẫn đến nợ nần. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông D. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

- *Về con chung:* Bà và ông D có 01 con chung là Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày: 10/5/2020. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà và ông D không nợ.

\* Tại bản tự khai ngày 09/12/2020, bị đơn ông Lê Quốc D trình bày: Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 30/11/2018. Bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với bà Hồng.

*Về con chung*: Ông và bà H có 01 con chung đúng như bà H trình bày. Ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ.

\* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R*:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn ông D; về con chung: Giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; về nợ chung: Bà H và ông D không có nên không xét. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm “Ly hôn”.

\* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án*: Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 31/11/2018; Trích lục khai sinh con chung; Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Công N (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H (bản sao); Biên bản xác minh ngày 13/01/2021.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà Đào Thị Ánh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Quốc D. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

*[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:*

Ngày 18/3/2021, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồng.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông D nhưng ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 30/11/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, bà H không còn tình cảm với ông D. Bà H yêu cầu ly hôn ông D, ông D không đồng ý. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử ông D lại không có mặt, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà. Tại Biên bản xác minh ngày 13/01/2021, chính quyền địa phương phường Cam Phúc Nam cung cấp: “Chị H, D có đăng ký kết hôn tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn của chị H, anh D là gì thì chính quyền địa phương không biết, do chị H, anh D không thông báo cũng như hòa giải tại địa phương.”. Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng ông D, bà H đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông D là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H.

*[2.2] Về con chung:* Bà H và ông D có 01 con chung là Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày: 10/5/2020. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông D đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu T con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung cho bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

*[2.3] Về tài sản chung:* Bà H và ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*[2.4] Về nợ chung:* Bà H và ông D không có nên Hội đồng xét xử không xét.

*[3] Về án phí:* Bà H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị Ánh H.**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Đào Thị Ánh H được ly hôn ông Lê Quốc D.

**2. Về con chung:** Bà Đào Thị Ánh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày: 10/5/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đào Thị Ánh H không yêu cầu ông Lê Quốc D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

\* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

**3. Về tài sản chung:** Bà Đào Thị Ánh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**4. Về án phí:** Bà Đào Thị Ánh H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000927 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**5.** Bà Đào Thị Ánh H, ông Lê Quốc D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường CL, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**